VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN MÔI TRƯỜNG VÀ BIỂN
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỦY VĂN

Số: Kon74/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN LƯU VỰC SÔNG KÔN- HÀ THANH

I- Dự báo diễn biến thủy văn vùng thượng lưu:

Nhận xét tình hình trong 24h qua

Trong 24h qua trên lưu vực mưa to. Dòng chảy đến các hồ dao động nhẹ. Lúc 7h sáng nay, mực nước tại Bình Nghi đạt 14.90m thấp hơn BĐI 0.60m; mức nước tại Thạnh Hòa đạt 5.53m thấp hơn BĐI 0.47m.

Dự báo trong 24h tới

Dự báo trong 24h tới trên lưu vực mưa to. Dòng chảy đến các hồ thay đổi. Mực nước tại Bình Nghi dao động dưới mức BĐ I và Thạnh Hòa dao động dưới mức BĐ I.

Diễn biến mực nước các nút tính toán:

Hồ chứa	Thông số	Thực đo				Dự báo				
		12/11/2025		13/11/2025				14/11/2025		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Vĩnh Sơn A	Mực nước (H, m)	767.50	767.71	767.97	768.20	768.25	768.35	768.40	768.50	768.55
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)	9.56	9.56	10.56	14.28	9.50	9.43	9.41	9.43	9.48
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)	0.00	0.00	0.00	0.00	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Vĩnh Sơn B	Mực nước (H, m)	815.35	815.35	815.36	815.36	815.35	815.40	815.40	815.45	815.45
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)	7.07	7.07	6.07	6.07	7.05	7.02	6.98	6.93	6.88
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn C	Mực nước (H, m)	971.57	971.59	971.61	971.64	971.60	971.65	971.70	971.75	971.80
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)	5.38	5.38	5.38	5.38	5.33	5.29	5.30	5.46	5.80
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

Vĩnh Sơn 4	Mực nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)									
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)									
Vĩnh Sơn 5	Mực nước (H, m)	154.50	154.50		154.50	154.45	154.45	154.45	154.45	154.45
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)	430.00	171.00		92.00	91.32	94.19	101.26	105.45	106.96
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)	380.00	120.00		40.00	91.32	94.19	101.26	105.45	106.96
Trà Xom 1	Mực nước (H, m)	656.03	656.29	656.48	656.62	656.70	656.85	657.00	657.10	657.25
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)	25.66	18.64	15.72	10.78	10.77	10.73	10.69	10.81	10.97
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mực nước (H, m)				89.95	89.83	89.75	89.73	89.76	89.89
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)					505.63	535.02	558.09	597.49	643.45
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)					560.99	560.40	560.26	560.48	561.43
Núi Một	Mực nước (H, m)				41.22	41.50	41.85	42.15	42.45	42.70
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)				115.50	115.64	116.13	116.43	116.49	117.06
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mực nước (H, m)				63.55	63.70	63.85	64.00	64.15	64.25
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)				22.54	22.47	22.43	22.32	22.32	22.32
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)				0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10
Văn Phong	Mực nước (H, m)				25.04	24.15	23.75	23.85	24.15	25.00
	Lưu lượng đến (Q,m^3/s)				367.42	608.62	650.41	679.41	753.25	866.02
	Lưu lượng xả (Q,m^3/s)					695.94	659.13	668.57	695.94	767.09

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 768.20 m
- Lưu lượng đến hồ: 14.28 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước:	815.36	m
- Lưu lượng đến hồ:	6.07	m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước:	971.64	m
- Lưu lượng đến hồ:	5.38	m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước:		m
- Lưu lượng đến hồ:		m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước:	154.50	m
- Lưu lượng đến hồ:	92.00	m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước:	656.62	m
- Lưu lượng đến hồ:	10.78	m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 89.95 m
- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 41.22 m
- Lưu lượng đến hồ: 115.50 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 63.55 m
- Lưu lượng đến hồ: 22.54 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mực nước: 25.04 m
- Lưu lượng đến hồ: 367.42 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa